

Bản án số: 05/2017/PT-DS
ngày 20/9/2017
V/v: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Trường

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Tiến

Bà Phạm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Doãn Khắc Tứ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông An Viết Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/ST-DS ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/QĐXX-PT ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bồn Thị S, sinh năm 1981

Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Xuân B - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Cao Xuân B; Địa chỉ: Số nhà 06, ngõ 258, đường Lý Tự Trọng, tổ 01, phường Trần Phú, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Ly Pha D, sinh năm 1953

Đăng ký tạm trú tại: Xóm L, thôn G, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Người phiên dịch tiếng Trung Quốc: Ông Hoàng Văn Q

Địa chỉ: Thôn L, xã P1, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Bồn Thị S; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Cao Xuân B trình bày:

Vào cuối năm 2015 chị S có ứng tiền cho anh Nguyễn Văn T với số tiền là 250.000.000đ để đi mua gỗ tròn, theo thỏa thuận gỗ có mức giá là 2.400.000đ/1m³. Đến ngày 23/01/2016 anh T có giao đợt 1 (gồm 02) xe gỗ tròn đầu tiên cho chị S tại xã T với số lượng gỗ đã giao là 27,8m³ thành tiền là 66.636.000đ. Anh T có lập giấy tờ thể hiện số tiền ứng trước 250.000.000đ rồi trừ đi số tiền gỗ đã giao là 66.636.000đ số tiền còn lại là 183.164.000đ. Đến ngày 12/3/2016 anh T lại ứng tiếp 20.000.000đ của chị S với lý do để anh tiếp tục mua gỗ và vận chuyển gỗ về. Nhưng đến ngày anh T không giao gỗ theo thỏa thuận cho nên ngày 02/5/2016 anh T đã trực tiếp viết giấy vay tiền ghi tổng số tiền là 203.140.000đ và hẹn sau 10 ngày sẽ trả đủ số tiền cho chị S nếu không trả được thì anh sẽ phải tính lãi. Sau quá 10 ngày và cho đến nay anh T không trả số tiền theo thỏa thuận, anh T chốt đã nợ ngày 02/5/2016 và thỏa thuận về khoản lãi suất cùng chị S, thấy số tiền gốc anh T không trả được và mức lãi không phù hợp. Nay chị S yêu cầu anh T phải trả số tiền gốc là 203.140.000đ và số tiền lãi tính theo mức vay theo ngân hàng nhà nước quy định cho loại tiền vay tại thời điểm vay là 0,75%/ tháng tương đương 9%/năm kể từ ngày 02/5/2016 đến ngày 03 /8/2016 được tính là: $(203.140.000đ \times 0,75\%/tháng \times 3 \text{ tháng} = 4.500.000đ \text{ tiền lãi })$. Tổng cộng tiền gốc + lãi là : $203.140.000đ + 4.500.000đ = 207.640.000đ$ (Hai trăm linh bảy triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Tại phiên tòa hôm nay chị và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải trả khoản nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 12/5/2016 đến ngày 03/8/2016.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 10/12/2015 anh có hợp đồng (bằng miệng) với ông Ly Pha D là người Trung Quốc về việc mua bán gỗ Sa Mộc. Anh là người bán còn ông D là người mua. Anh có ứng tiền của ông D với số tiền là 250.00.000đ để đi mua gỗ về giao lại cho ông Ly Pha D. Đến ngày 21/01/2016 anh có mua được gỗ Sa mộc từ huyện Xín Mần về giao lại cho ông D với số lượng gỗ theo Hạt kiểm lâm huyện Xín Mần đo được là 65,2m³ (có bản kê lý lịch gỗ kèm theo ngày 23/01/2016). Lúc anh đã giao gỗ cho ông D thì ông D lại đo theo kiểu đo gỗ theo bên Trung Quốc, số lượng gỗ ông D đo được là 27,8 m³ gỗ. Do có sự chênh lệch về cách tính số lượng và khối lượng, cho nên giữa hai bên không thống nhất được khối lượng dẫn đến hai bên xảy ra cãi nhau ông D có hỏi anh để lấy hóa đơn nhưng anh không cho, sau đó toàn bộ số gỗ ông D đã nhận chuyển vào kho bãi và ông giao cho chị S trông giữ. Hiện tại số lượng gỗ này ông D vẫn để tại kho bãi cửa khẩu T. Do số gỗ ông Ly Pha D chưa thanh toán với anh nên anh chưa thanh toán được số tiền đã ứng của chị S. Khi chị S kiện đòi nợ anh, số tiền anh đã ký vào giấy vay tiền với chị S là do ông D ép anh phải ký nợ với chị S, ông D còn bắt anh viết thêm cả tiền nhân dân tệ (Tiền Trung Quốc). Nay chị S yêu cầu anh phải trả số tiền mà anh đã ứng với chị anh không chấp nhận, vì việc vay nợ tạm ứng tiền này là do anh làm ăn với ông D cho nên anh có nợ với ông D chứ không nợ với chị S. Anh đề nghị ông Ly Pha D phải chấp nhận số gỗ mà anh đã được Hạt kiểm lâm huyện Xín Mần xác nhận

là 65,2m³ để anh thanh toán với nhau số tiền đã tạm ứng với chị S, anh sẽ cung cấp người làm chứng về việc anh đã giao gỗ cho ông D. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn T không chấp nhận trả toàn bộ số tiền như chị Bồn Thị S đã khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ly Pha D trình bày:

Trước năm 2015 chị Bồn Thị S có sang bên Trung Quốc buôn bán làm ăn thì gặp và quen biết với ông, thấy chị S có nói chuyện về việc mua gỗ để làm ván bóc, chị S có giấy phép kinh doanh. Đến năm 2015 ông đến xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang cùng với chị S bàn bạc và hợp tác kinh doanh việc mua bán gỗ để làm ván bóc. Trong thời gian ông làm ăn kinh doanh cùng chị S tại xã T huyện V tỉnh Hà Giang Việt Nam, ông không cho anh T vay tiền hoặc ứng tiền để mua bán gỗ lần nào, mọi việc cho vay hoặc ứng tiền đều do chị S quyết định vì chị S là chủ doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh, còn ông chỉ là người mua gỗ của chị S. Việc chị S cho anh T vay tiền vào thời gian nào ông không nhớ, ông chỉ biết anh T có viết và ký vào giấy vay nợ với chị S cụ thể: Ngày 23/01/2016 anh T có ký vào giấy vay với bà Bồn Thị S 250.000.000đ - 66.836.000đ = 183.164.000đ. Lần tiếp theo vào ngày 12 tháng 3 năm 2016 anh Nguyễn Văn T có ký vào giấy vay với chị Bồn Thị S để vay số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Việc anh T ứng tiền chị S để mua gỗ loại gỗ Sa Mộc về để bán cho chị S, chị S không tính lãi việc tính lãi do anh T tự đề xuất sau khi vay được tiền của chị S. Anh T cho rằng việc mua bán gỗ và ứng tiền với ông là không đúng, vì ông không có sự mua bán, trao đổi hoặc hợp đồng gì với anh T, ông cũng không biết anh T mua bao nhiêu gỗ, khối lượng là bao nhiêu nhưng khi về để đo bán cho chị S thì ông có đo giúp chị S, số gỗ đo được là 27,8m³ gỗ loại Sa Mộc. Do không thống nhất được cách đo tính toán về khối lượng nên hiện nay số gỗ này vẫn để tại kho của chị S tại xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Anh T có xác định số lượng gỗ là 27,8m³ thành tiền là 66.636.000đ và thanh toán trừ vào số tiền mà anh T đã ứng trước, sau đó anh T bảo đi chở chuyển tiếp theo nhưng không thấy anh T mang gỗ về nữa. Việc hợp đồng mua bán gỗ do chị S với T, ông không biết chữ Việt Nam nhưng ông là người trực tiếp đo số lượng gỗ giúp chị S. Anh T mới giao được một lần gỗ về bán cho S thì không thống nhất được cách đo tính toán khối lượng gỗ nên số gỗ mới để lại tại kho chị S. Trước khi anh T ứng tiền đi mua gỗ giữa chị S với T đã thống nhất về cách đo và đơn giá / m³ gỗ. Những lần trước ông có cho chị S ứng tiền để mua gỗ giữa ông và chị S đã thanh toán xong không có nợ nần gì, còn lần này giữa anh T với chị S xảy ra sự việc nợ tiền nhau ông không biết, theo quan điểm của ông nếu anh T không nhất trí về cách đo thì anh T mời cơ quan chức năng đến đo lại, nếu không thì anh T lấy số gỗ đó về và trả lại tiền cho chị S. Tại phiên tòa ông vẫn giữ nguyên quan điểm về việc vay nợ là giữa chị S với anh T là thực tế, ông không liên quan, hoặc trao đổi, hợp đồng mua bán gì với anh T và không cho anh T vay hoặc ứng tiền để mua gỗ lần nào đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2017/ST-DS ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện V quyết định:

Áp dụng Điều 471; khoản 1,4 Điều 474; Điều 476; khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015. Quyết định số: 2868 ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mức lãi suất. Điều 147 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và điểm b mục 2, phần I danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Buộc anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang, phải có trách nhiệm trả nợ số tiền vay cho chị Bồn Thị S địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Số tiền là: 207.304.300đ (Hai trăm linh bảy triệu, ba trăm linh bốn nghìn, ba trăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là: 203.140.000đ; Nợ lãi là: 4.164.300đ.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí, lãi xuất, điều kiện thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 7 năm 2017 anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2017/ST-DS ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy vay nợ ngày 02/5/2016 do anh T trực tiếp viết và ký tên với tổng số tiền là 203.140.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cấp sơ thẩm xử buộc anh T phải trả cho chị S số tiền 207.640.000đ (Gồm cả gốc và lãi) là có căn cứ. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2017/ST-DS ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Chị Bồn Thị S được phòng Tài chính - Kế hoạch huyện B cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh ngày 20/4/2016 với ngành, nghề kinh doanh chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ nên chị kinh doanh mua bán gỗ Sa mộc để làm ván bóc bán sang Trung Quốc. Ngày 02/5/2016 anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang vay tiền chị để mua gỗ về bán cho chị. Giấy vay nợ do anh T tự tay viết và ký với tổng số tiền vay là 203.140.000đ (Hai trăm linh ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) và tự hẹn mười ngày sau trả đủ số tiền vay, nếu quá hạn 10 ngày không trả được tiền sẽ tính lãi. Quá hạn nhưng anh T không giao gỗ theo thỏa thuận chị đã gặp trực tiếp và điện thoại nhiều lần nhưng anh T từ chối việc trả nợ cho chị. Vì vậy, nguyên đơn chị Bồn Thị S khởi kiện tại Tòa án về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm anh T đều cho rằng việc anh vay nợ và ứng tiền do anh làm ăn với ông Ly Pha D

chứ không vay nợ chị S, việc anh viết giấy vay tiền với chị S là do ông Ly Pha D ép buộc anh phải ký nợ với chị S. Anh thừa nhận giấy vay nợ lập ngày 02/5/2016 do anh trực tiếp viết và ký tên. Anh cho rằng vào ngày 10/12/2015 anh hợp đồng (Bằng lời nói) với ông D về việc mua bán gỗ. Theo đó anh là người bán, ông D là người mua và ứng tiền của ông D 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, ông Ly Pha D đều phủ nhận và cho rằng giữa ông và anh T không có sự mua bán, trao đổi hoặc hợp đồng gì với anh T kể cả việc cho anh T ứng số tiền 250.000.000đ, ông thừa nhận có quen biết và làm ăn với chị S thông qua hợp đồng thu mua lâm sản giữa ông và chị S. Anh T có ứng tiền 250.000.000đ của chị S để mua gỗ tròn, thỏa thuận giá là 2.400.000đ/m³. Anh T đã giao cho chị S 02 xe gỗ tròn khối lượng 27,8m³ trị giá 66.636.000đ, trừ đi số đã ứng trước số còn lại là 183.164.000đ, ngày 13/2/2016 anh T ứng tiếp số tiền là 20.000.000đ. Số tiền anh T còn nợ của chị S là 203.140.000đ như giấy vay nợ do anh T tự viết và ký.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Văn T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về thỏa thuận hợp đồng mua bán gỗ cũng như việc ứng tiền với ông Ly Pha D. Việc anh cho rằng ông Ly Pha D ép ký vào giấy vay nợ với chị S là không có căn cứ vì bản thân anh có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc anh viết giấy vay nợ với chị S là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của anh Nguyễn Văn T không có căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc anh phải trả lại cho chị S số tiền là 207.304.300đ (Gồm cả gốc và lãi) là có căn cứ.

[2] Đối với kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam của ông Ly Pha D. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không xem xét.

[3] Về áp dụng pháp luật về điều kiện đảm bảo việc thi hành án: Cấp sơ thẩm áp dụng lỗi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là không chính xác mà phải áp dụng quy định tại Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mới chính xác nên Tòa án cấp phúc thẩm viện dẫn điều luật áp dụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T và giữ nguyên bản án số 01/2017/DS-ST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471; khoản 1,4 Điều 474; Điều 476; khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Quyết

định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất; Điều 147 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 29; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, xử:

Buộc anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang, phải có trách nhiệm trả cho chị Bồn Thị S địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang với tổng số tiền là: 207.304.300đ (Hai trăm linh bảy triệu ba trăm linh bốn nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch là: 10.365.200đ (Mười triệu ba trăm sáu mươi năm nghìn hai trăm đồng) và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 01838 ngày 26/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Chị Bồn Thị S, không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho Bồn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số: 01740 ngày 07/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS h.V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Đức Trường

